

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **232/2024/DS-ST**

Ngày: 18/10/2024

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn chánh - Cán bộ hưu trí

Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí

*Thư ký phiên tòa:* Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai:* Bà Nguyễn Thuý Duyên - KSV

Ngày 18 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 685/2024/TLST-DS ngày 03/7/2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số 1516/2024/QĐST-DS ngày 18/9/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.**

Địa chỉ trụ sở: Số B C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Khải H; Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc.(Theo quyết định 264/2024/QĐ-NHNA-01 ngày 09/04/2024 của Tổng Giám đốc)

Đại diện theo ủy quyền của ông H:

Ông Nguyễn Quốc H1; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1.(Theo văn bản ủy quyền số 267/2024/QĐ-NHNA-01 ngày 09/04/2024)

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1990

2. Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: B, Võ Thị S, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Theo giấy ủy quyền số 113/2024/UQ-NHNA-Đ.NAI ngày 23/04/2024

**- Bị đơn: Ông Lê T, sinh năm: 1999.**

Địa chỉ: 6, tổ F, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ông Đ có mặt, ông T vắng mặt không có lý do

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 28/07/2022, Ông Lê Tân C vay của Ngân hàng TMCP N dưới hình thức vay thẻ tín dụng tiêu dùng theo hợp đồng sử dụng thẻ số 0274/2022/706-CV với số tiền là 20.000.000đ( Hai mươi triệu đồng) thời hạn vay từ ngày 28/07/2022 đến tháng 8/2023 . Quá trình vay đến tháng 8/2023 ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản nợ vay bị quá hạn. Ngân hàng đã liên tục làm văn bản thông báo nhắc nhở yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T không hợp tác. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền nợ còn thiếu là 33.214.186đ( Ba mươi ba triệu hai trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 19.999.833đ( Mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) ; lãi 12.414.416đ( Mười hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn bốn trăm mười sáu đồng), phí là 799.937đ ( Bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng)

Bị đơn ông Lê T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

*\* Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa:*

**Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật, Đối với người tham gia tố tụng thì bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

**Về việc giải quyết vụ án:** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền nợ còn thiếu là 33.214.186đ( Ba mươi ba triệu hai trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 19.999.833đ( Mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) ; lãi 12.414.416đ( Mười hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn bốn trăm mười sáu đồng), phí là 799.937đ ( Bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng)

Về án phí DSST: ông T phải nộp án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

**[1] Về thủ tục tố tụng:** ông Lê T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Căn cứ Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**[3] Về tư cách đương sự:** Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần N là nguyên đơn, ông Lê Tân L bị đơn trong vụ kiện.

**[4] Về nội dung vụ án:**

Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện ông T yêu cầu thanh toán số tiền nợ còn thiếu 33.214.186đ( Ba mươi ba triệu hai trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 19.999.833đ( Mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) ; lãi 12.414.416đ( Mười hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn bốn trăm mười sáu đồng), phí là 799.937đ ( Bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng)

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã cung cấp cho Tòa án giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0274/2022/706-CV ngày 25/07/2022

Quá trình Tòa án thụ lý vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ kiện, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo hoãn phiên Hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa cho ông Lê T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016; Điều 4, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc yêu cầu ông Lê T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền nợ vay còn thiếu là 33.214.186đ( Ba mươi ba triệu hai trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 19.999.833đ( Mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) ; lãi 12.414.416đ( Mười hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn bốn trăm mười sáu đồng), phí là 799.937đ ( Bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng)

[5] Về án phí DS-ST: ông T phải nộp theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, khoản 2, 3, 4 Điều 68; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 4; Điều 463, Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N .

Buộc ông Lê T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền nợ còn thiếu là 33.214.186đ( Ba mươi ba triệu hai trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 19.999.833đ( Mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) ; lãi 12.414.416đ( Mười hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn bốn trăm mười sáu đồng), phí là 799.937đ ( Bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp

đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí DS-ST: ông T phải nộp 1.660.709đ( Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng bảy trăm lẻ chín đồng). Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần N( Bảy trăm mười bảy nghìn không trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004423 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP.Biên Hòa (02);
- THADS TP.Biên Hòa (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Mộng Hà**